

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS-ST

Ngày: 02-3-2022.

V/v tranh chấp: “*Đòi lại tài sản và
hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nghiêm.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Ông Lê Thành Chí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021, về việc tranh chấp “*Đòi lại tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978.

Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp 8, xã T, huyện G, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Nguyễn Hoàng K (Tên thường gọi: T), sinh năm 1987.

Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Phạm Thị Thu S, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Kh, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

(*Các đương sự có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thanh T trình bày:**

Từ ngày 17/01/2021 đến ngày 23/3/2021 âm lịch, anh Nguyễn Thanh T và vợ anh là chị Nguyễn Thị Hoàng O mua vật liệu xây dựng của anh Nguyễn Hoàng K tổng cộng 172.469.000 đồng. Anh T, chị O đã tạm ứng cho anh K 189.000.000 đồng, cụ thể: ngày 21/01/2021, 60.000.000 đồng; ngày 06/02/2021,

20.000.000 đồng; ngày 22/02/2021, 20.000.000 đồng; ngày 09/3/2021, 30.000.000 đồng; lần cuối (không nhớ ngày, tháng) 25.000.000 đồng; Ngoài ra, trong thời gian mua vật liệu xây dựng, anh T, chị O có giao cho chị S 34.000.000 đồng để tạm ứng cho anh K.

Anh T, chị O đã tạm ứng cho anh K dư 16.531.000 đồng.

Anh T yêu cầu anh K trả lại cho anh T và chị O 16.531.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra anh T không yêu cầu gì khác.

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Hoàng O trình bày:**

Chị O thống nhất theo lời trình bày của anh T. Từ ngày 17/01/2021 đến ngày 23/3/2021 âm lịch, chị O, anh T mua vật liệu xây dựng của anh Nguyễn Hoàng K tổng cộng 172.469.000 đồng. Chị Oanh, anh Tâm đã tạm ứng cho anh K 189.000.000 đồng, dư 16.531.000 đồng.

Chị O yêu cầu anh K trả lại cho chị O và anh T 16.531.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, chị O không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hoàng K trình bày:**

Từ ngày 17/01/2021 đến ngày 23/3/2021 âm lịch, anh T và chị O mua vật liệu xây dựng của anh Nguyễn Hoàng K tổng cộng số tiền là 172.469.000 đồng. Anh T, chị O đã tạm ứng cho anh K 159.000.000 đồng, cụ thể: ngày 21/01/202, 60.000.000 đồng; ngày 06/02/2021, 20.000.000 đồng; ngày 22/02/2021, 20.000.000 đồng; lần cuối (không nhớ ngày, tháng) 25.000.000 đồng; ngoài ra, trong thời gian mua vật liệu xây dựng, anh T, chị O có giao cho chị S 34.000.000 đồng để tạm ứng cho anh K. Ngày 09/3/2021 âm lịch, anh K không có nhận của anh T 30.000.000 đồng.

Anh T, chị O còn nợ lại anh K 13.469.000 đồng. Anh K không yêu cầu anh T, chị O trả lại số tiền 13.469.000 đồng, vì anh K không có chứng cứ gì chứng minh; anh K không yêu cầu giải quyết.

Anh K không đồng ý trả cho anh T và chị O 16.531.000 đồng, vì không có nợ tiền anh T, chị O.

Ngoài ra, anh K không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Thu S trình bày:**

Trong thời gian anh T và chị O mua vật liệu xây dựng của anh K; anh T, chị O có giao cho chị S 34.000.000 đồng để tạm ứng cho anh K. Chị S giao cho anh K 34.000.000 đồng 03 lần (không nhớ ngày, tháng), cụ thể: lần đầu giao 14.000.000 đồng, lần hai giao 10.000.000 đồng, lần ba giao 10.000.000 đồng. Chị S không có yêu cầu gì trong vụ án.

Ngoài ra, chị S không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T và chị O. Buộc anh K có nghĩa vụ trả cho anh T và chị O 16.531.000 đồng; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Đòi lại tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”, nên áp dụng giải quyết theo các điều 166, 430, 440 Bộ luật dân sự.

[2] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Anh T, chị O với anh K thống nhất số tiền mua vật liệu xây dựng là 172.469.000 đồng. Anh K thừa nhận có nhận tiền tạm ứng của anh T và chị O, cụ thể ngày 21/02/2021, 60.000.000 đồng; ngày 06/02/2021, 20.000.000 đồng; ngày 22/02/2021, 20.000.000 đồng và có nhận 34.000.000 đồng của chị S giao; lần cuối có nhận 25.000.000 đồng. Anh K cho rằng ngày 09/3/2021 âm lịch không có nhận của anh T 30.000.000 đồng; tuy nhiên, anh T có cung cấp tờ giấy viết tay ghi số tiền mua bán (bút lục số 30) do anh T ghi, anh K thừa nhận có ký tên của anh K tại dòng chữ “09 – 3 Tú ứng 30.000.000”; anh K cho rằng anh T viết giấy giao cho anh K ký tên lại do anh T làm mất sổ ghi tiền mua bán, nhưng anh K không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của anh K; anh, chị O không thừa nhận; cho nên ngày 09/3/2021 âm lịch anh K có nhận của anh T 30.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền anh T, chị O tạm ứng cho anh K là 189.000.000 đồng, dư 16.531.000 đồng. Do đó anh T và chị O yêu cầu anh K trả lại 16.531.000 đồng là có cơ sở, nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T và chị O. Buộc anh K trả cho anh T và chị O 16.531.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Đối với số tiền 13.469.000 đồng, anh K cho rằng anh T, chị O còn nợ anh K; tuy nhiên, anh K không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Anh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 166, 430, 440; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Hoàng O.

- Buộc anh Nguyễn Hoàng K có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 16.531.000 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm ba mươi một ngàn đồng*), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Anh K phải chịu 826.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho anh T và chị O tiền tạm ứng án phí 413.000 đồng theo biên lai số 0005832 ngày 03/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu